TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÁ THƯỚC** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 01 năm 2025 về việc
"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Trương Thị Quý

- Ông Lê Văn Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Quyển - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 155/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: - Chị Nguyễn Thị H; Sinh năm: 1985 (Có mặt).

2. Bị đơn: - Anh Nguyễn Văn L; Sinh năm: 1981 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Phố 2, thị trấn Cành Nàng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 11 năm 2024 và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị H và anh Nguyễn Văn L chung sống với nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đã thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã Tân Lập (nay là thị trấn Cành Nàng), huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 21/9/2007. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, những năm gần đây vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói

chung; Tháng 9/2024 anh L bị bắt về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, nay chị H thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa, nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:* Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Trung Kiên, sinh ngày 16/3/2008 và Nguyễn Tùng Dương, sinh ngày 05/6/2013. Khi ly hôn chị H đề nghị giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 cháu Kiên và Dương; chị H không đề nghị anh L pH cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai, đơn trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:

-*Về hôn nhân*: Anh L đồng ý với phần nội dung trình bày về việc đăng ký kết hôn của chị Nguyễn Thị H là đúng. Trong quá trình vợ chồng chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, nay chị H đề nghị được ly hôn thì anh L đồng ý thuận tình ly hôn.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:* Anh L xác nhận giữa anh và chị H có 02 con chung là Nguyễn Trung Kiên, sinh ngày 16/3/2008 và Nguyễn Tùng Dương, sinh ngày 05/6/2013. Khi ly hôn thì anh L đồng ý giao cả hai con cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và anh L không pH cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và công nợ:* Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Do anh L đang bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa để điều tra về tội tàng trữ trái phép chất ma túy nên anh L không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Vì vậy Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị được ly hôn với anh L.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 cháu Kiên và Dương và không đề nghị anh L pH cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản và công nợ:* Chị H không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Bá Thước tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, bị đơn đang bị tam giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa để điều tra về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, do đó đã không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án nên không thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng, tuy nhiên bị đơn đã có ý kiến bằng văn bản và đơn xin xét xử vắng mặt gửi cho Tòa án, do đó Tòa án đã tiến hành xét xử vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về yêu cầu của người khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Nguyên đơn chị H chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn, nuôi con với anh Nguyễn Văn L. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bị đơn anh Nguyễn Văn L có nơi cư trú tại phố 2, thị trấn Cành Nàng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bá Thước tỉnh Thanh Hóa có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bá Thước đã thông báo thụ lý vụ án đồng thời tiến hành thu thập chứng cứ, thông báo việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng anh L đang bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa để điều tra về tội tàng trữ trái phép chất ma túy nên anh L không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Vì vậy Tòa án có quyền Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bá Thước theo đúng quy định.

Bị đơn anh L có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với anh L.

[2] Về nội dung:

- *Về hôn nhân:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Nguyễn Văn L chung sống với nhau tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 21/9/2007 tại UBND xã Tân Lập (nay là thị trấn Cành Nàng), huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không thông cảm cho nhau; Tháng 9/2024 anh L bị bắt để điều tra về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh L không còn; Tại phiên tòa chị H tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L; Quá trình giải quyết vụ án, anh L có văn bản trình bày ý kiến đồng ý thuận tình ly hôn với chị H; Thu thập chứng cứ tại địa phương phản ánh: Quá trình anh L và chị H sinh sống tại địa phương vợ chồng có sảy ra mâu thuẫn. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh L đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị được ly hôn anh L là có căn cứ.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con:* Vợ chồng công nhận có hai con chung tên là Nguyễn Trung Kiên, sinh ngày 16/3/2008 và Nguyễn Tùng Dương, sinh ngày 05/6/2013. Xét thấy nguyện vọng của cháu Kiên và Dương là được ở cùng với chị H; Anh L có ý kiến bằng văn bản đồng ý giao cả hai con cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh L không pH cấp dưỡng nuôi con chung; Chị H có đủ điều kiện nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục con đảm bảo tốt về mọi mặt; Để không xáo trộn việc sinh hoạt và học tập của các cháu nên khi ly hôn giao cả hai cháu Kiên và Dương cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với yêu cầu của chị H, phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình và Điều 6, Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Chị H không yêu cầu anh L pH cấp dưỡng nên miễn xét.

- *Về tài sản và công nợ chung:* Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Nguyên đơn pH chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

- *Về quyền kháng cáo:* Chị H và anh L có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1

Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271, 273 và 278 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Nguyễn Trung Kiên, sinh ngày 16/3/2008 và Nguyễn Tùng Dương, sinh ngày 05/6/2013 cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh L không pH cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền qua lại thăm nom các con không ai được ngăn cấm, cản trở.

3. Về tài sản và công nợ: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Nguyễn Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0006036 ngày 26/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bá Thước, số tiền này được trừ vào số tiền án phí pH nộp, theo đó chị Nguyễn Thị H đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Bá Thước;
- Chi cục THADS huyện Bá Thước;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND thị trấn Cành Nàng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hoàng Văn Long